

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp
nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020;

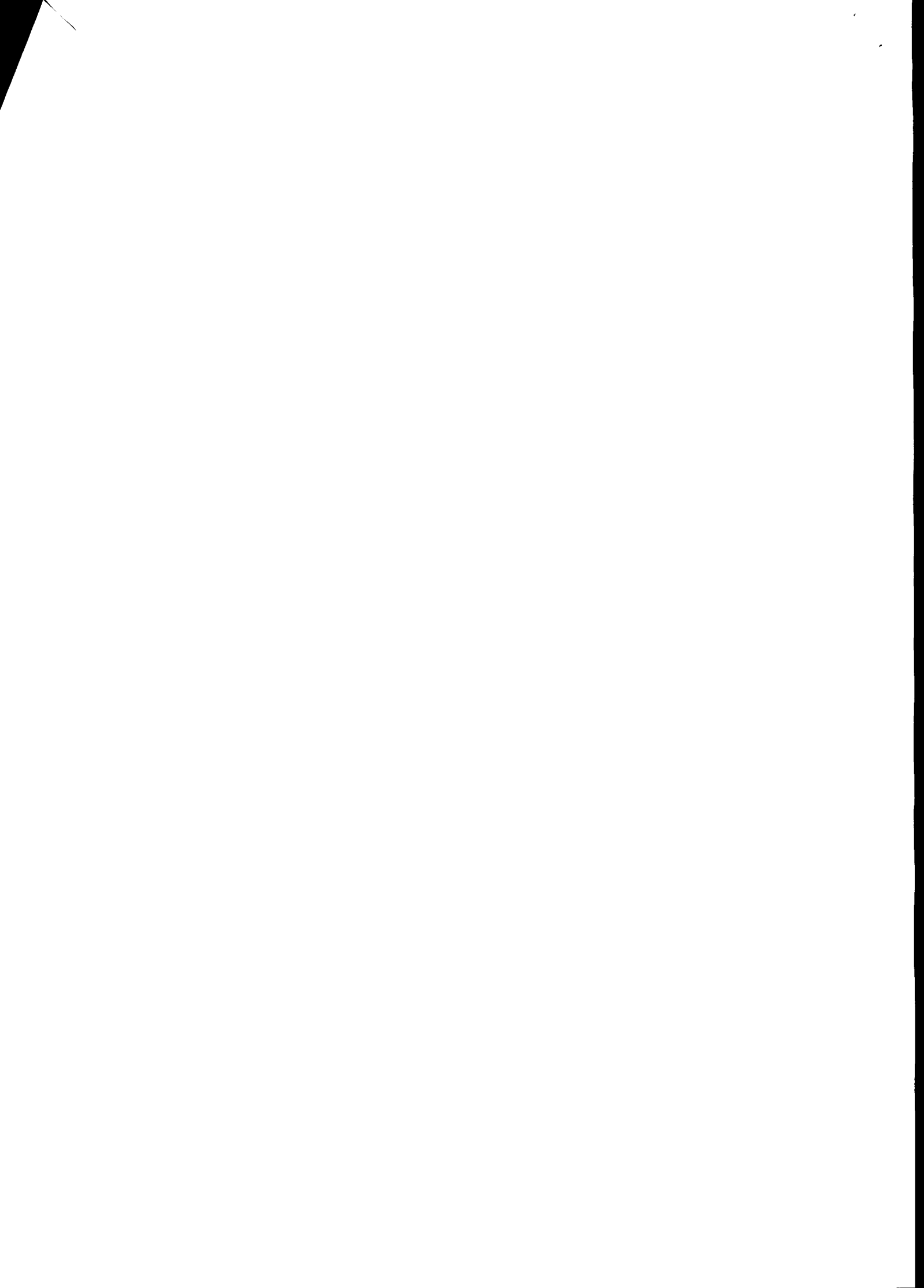
Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 59/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 4 năm 2015 của Liên bộ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;



Căn cứ Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025”;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Tỉnh ủy Tiền Giang về lãnh đạo nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*ALL*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Đoàn ĐBQH Đơn vị tỉnh;
- TT. UBNDTTQ tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH, VP.HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP, các Phòng NC, Ban TCD;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT (Tâm). /*ban*

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *ALL*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH

Khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2017-2020

*(Kèm theo Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 13 / 9 /2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Góp phần thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2017 - 2020.

Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các tổ chức sản xuất, kinh doanh trên cơ sở triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; Ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ; Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng và phát triển thương hiệu nhằm tăng cường sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Tổ chức 10 - 15 lớp tập huấn, hội thảo tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) trong sản xuất, thông tin KH&CN, sở hữu công nghiệp, công nghệ và phát triển thị trường công nghệ.

Hỗ trợ 15 - 20 doanh nghiệp ứng dụng tiên bộ KH&CN; đổi mới và hoàn thiện công nghệ, phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới.

Hướng dẫn và hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho 40-50 tổ chức, cá nhân bao gồm: Nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể trong nước, nhãn hiệu đăng ký ra nước ngoài, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế/giải pháp hữu ích, nhãn hiệu chỉ dẫn địa lý.

Hỗ trợ 10 - 15 doanh nghiệp tham gia các Hội chợ, Chợ công nghệ - thiết bị quốc gia và khu vực.

Hỗ trợ 5 - 8 doanh nghiệp thành lập doanh nghiệp KH&CN.

Hỗ trợ 10 - 15 doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh; 10 - 15 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, các công cụ cải tiến.

II. ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh bao gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

b) Doanh nghiệp đã được hỗ trợ ở Chương trình khác thì không được hỗ trợ trong Chương trình này đối với nội dung tương tự.

c) Doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài không thuộc diện hỗ trợ của Chương trình này.

d) Điều kiện được ưu tiên hỗ trợ: ưu tiên các doanh nghiệp có một hoặc nhiều điều kiện sau đây:

Thuộc các ngành nghề như sau: Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và chế biến thực phẩm; Sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu; Sản xuất hàng thủ công nghiệp; Thuộc Danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

Sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Sản xuất sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Thời gian thực hiện

Chương trình bắt đầu áp dụng từ năm 2017 đến hết năm 2020.

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hoạt động tuyên truyền, truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức năng suất chất lượng, ý nghĩa của các hoạt động năng suất, chất lượng cho các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, với nhiệm vụ cụ thể sau:

Biên soạn, in ấn các tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn về công tác tiêu chuẩn hóa, giải thưởng chất lượng, các hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Phổ biến, hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các doanh nghiệp.

Giới thiệu, quảng bá các doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia, các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng.

b) Tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn về năng suất chất lượng, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ với nhiệm vụ cụ thể sau:

Tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về quản lý năng suất chất lượng, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ cho các cán bộ thuộc cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân.

Tổ chức các khóa đào tạo về chuyên gia đánh giá nội bộ các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng.

Các nội dung chi công tác thông tin, tuyên truyền; đào tạo, tập huấn thực hiện theo quy định hiện hành

2. Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

Hỗ trợ doanh nghiệp lần đầu xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến như ISO 9001, ISO 14001, ISO/IEC 27001, ISO 22000, ISO 26000, SA 8000, ISO 50001, ISO/IEC 17025, OHSAS 18000: hỗ trợ kinh phí tư vấn không quá 50 % giá trị hợp đồng tư vấn áp dụng cho 01 hệ thống (nhưng không quá 30 triệu đồng).

Hỗ trợ doanh nghiệp lần đầu xây dựng và áp dụng các công cụ cải tiến năng suất, chất lượng như KAIZEN, 5S, 07 công cụ thống kê, cân bằng chuyên, housekeeping: hỗ trợ kinh phí tư vấn không quá 50 % giá trị hợp đồng tư vấn áp dụng cho 01 mô hình, công cụ hoặc 01 nhóm công cụ (nhưng quá không quá 30 triệu đồng).

Hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia và đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: Hỗ trợ kinh phí tư vấn không quá 30 triệu đồng/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ

a) Về sáng chế/giải pháp hữu ích: Chỉ hỗ trợ cho các sáng chế/giải pháp hữu ích đăng ký trong nước và quốc tế, ưu tiên hỗ trợ các giải pháp đoạt giải Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc hoặc cấp tỉnh hàng năm:

- Hỗ trợ tra cứu thông tin, viết bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích: Hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/sáng chế hoặc giải pháp hữu ích.

- Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn quốc gia sáng chế/giải pháp hữu ích theo quy định hiện hành.

b) Kiểu dáng công nghiệp: Chỉ hỗ trợ cho các kiểu dáng công nghiệp đăng ký trong nước và quốc tế

- Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn quốc gia kiểu dáng công nghiệp theo quy định hiện hành.

- Riêng đối với các kiểu dáng có nhiều phương án thì hỗ trợ tối đa là 01 kiểu dáng công nghiệp và 02 phương án: Hỗ trợ không quá 05 triệu đồng.

c) Nhãn hiệu:

- Đối với đăng ký nhãn hiệu trong nước: Hỗ trợ không quá 13 triệu đồng/đối tượng sở hữu công nghiệp. Trong đó:

+ Hỗ trợ 100% lệ phí nộp đơn quốc gia cho mỗi nhãn hiệu đăng ký cho một sản phẩm theo quy định hiện hành.

+ Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 03 nhãn hiệu, hoặc 01 nhãn hiệu tối đa cho 05 nhóm sản phẩm (mỗi nhóm không quá 06 sản phẩm).

- Đối với đăng ký nhãn hiệu ngoài nước: Hỗ trợ không quá 15 triệu đồng cho 01 nhãn hiệu tại một quốc gia. Trong trường hợp nhãn hiệu đăng ký theo hệ thống cộng đồng (một đơn đăng ký nhiều quốc gia) chỉ hỗ trợ theo số lượng đầu đơn: Hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/đơn đăng ký.

d) Khai thác tạo lập, quản lý và phát triển các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý của địa phương:

- Việc xây dựng dự án đăng ký bảo hộ, khai thác tạo lập, quản lý và phát triển các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý của địa phương thực hiện theo Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

4. Hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

a) Đối với hoạt động được tổ chức trong nước:

Hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng (điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ); chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng; chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức (truyền thông, vận chuyển, công tác phí, khen thưởng, trang trí tổng thể, lễ khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu, làm cơ sở dữ liệu thông tin, hội thảo, tọa đàm khoa học và công nghệ, các chi phí khác liên quan): hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia đối với các hoạt động được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, thủ đô Hà Nội và không quá 15 triệu đồng đối với các hoạt động tổ chức tại các tỉnh, miền núi, biên giới và hải đảo.

b) Đối với hoạt động được tổ chức ở nước ngoài:

Hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng, thiết kế; dàn dựng gian hàng; Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc; tổ chức hội thảo (chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả); trình diễn sản phẩm: hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

5. Hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị

a) Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao:

Quỹ Phát triển KH&CN cho vay với lãi suất bằng 50 % lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của nhà nước được Bộ Tài chính quyết định tại thời điểm xin vay vốn.

b) Công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật được lựa chọn hỗ trợ nhận chuyển giao, ứng dụng là những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến; Công nghệ để tạo ra sản phẩm mới hoặc nâng cao được năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm; Tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, tài nguyên thiên nhiên; Thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao do cơ quan có thẩm quyền quyết định. Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/doanh nghiệp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình

a) Nguồn kinh phí:

Nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh được phân bổ trong tổng kinh phí giao cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm;

Quỹ Phát triển KH&CN của tỉnh;

Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

b) Dự toán kinh phí:

Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán (tháng 6), Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

Các doanh nghiệp sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình này phải đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Các doanh nghiệp được hỗ trợ kinh phí một lần trong 01 năm.

3. Xử lý kinh phí

Kinh phí được sử dụng cho việc hỗ trợ đối với nội dung được phê duyệt, trong trường hợp các doanh nghiệp sử dụng không đúng mục đích và nội dung đăng ký sẽ phải hoàn trả lại 100% kinh phí đã được hỗ trợ.

Trong trường hợp các doanh nghiệp không có khả năng tiếp tục thực hiện nội dung hỗ trợ đã được duyệt thì phải tiến hành hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được hỗ trợ.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ công bố, phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Chương trình trên các phương tiện thông tin truyền thông; hướng dẫn

thủ tục, hồ sơ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia Chương trình. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và địa phương tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện tốt Chương trình này theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Chương trình; hướng dẫn thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Các sở, ban ngành có liên quan tuyên truyền, phổ biến cung cấp thông tin về Chương trình; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc đánh giá hiệu quả của Chương trình.

4. Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ thực hiện cho vay đối với các dự án đổi mới thiết bị, công nghệ theo quy định.

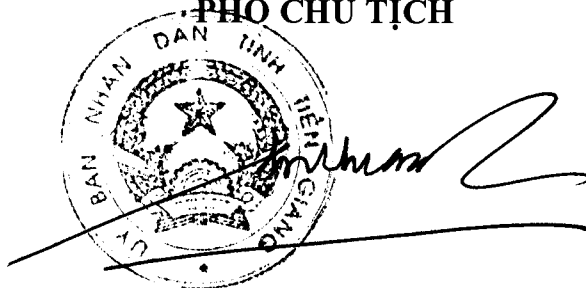
5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Mỹ Tho cung cấp thông tin, khảo sát nhu cầu cần hỗ trợ của các doanh nghiệp theo các nội dung của chương trình; tuyên truyền, phổ biến và cung cấp thông tin cần thiết, hỗ trợ cho các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp phiếu đăng ký tham gia Chương trình của các doanh nghiệp trên địa bàn, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./NKL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *me*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn